**MÔN: SINH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **PHÂN MÔN**  **( CHỦ ĐỀ)** | **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| 17/2 – 21/2 | Quả và hạt | 43 | Tổng kết về cây có hoa | * Học sinh nắm được các cây sống trong môi trường khác nhau, trải qua thời gian lâu dài sẽ hình thành được các đặc điểm thích nghi * HS hiểu được dựa vào các đặc điểm thích nghi đó mà thực vật có thể phân bố ở khắp nơi trên trái đất: Trong nước, trên cạn, vùng nóng, vùng lạnh… | Giao bài trên classroom |
| Các nhóm thực vật | 44 | Tảo | * Nắm được cấu tạo của Tảo: là thực vật bậc thấp, đơn bào hoặc đa bào, có cấu tạo đơn giản, chứa chất diệp lục, thường sống trong nước * Biết được các vai trò của tảo từ đó vận dụng vào thực tế đối với 1 số tảo có thể làm thức ăn cho người và động vật: Tiểu cầu, rau diếp, rau câu…Một số có thể làm được phân bón, làm thuốc. Tuy nhiên một số tảo có hại: tảo xoắn, tảo vòng. |
| 22/2 – 28/2 | Các nhóm thực vật | 45 | Cây rêu | * Nắm được đặc điểm cấu tạo của cây rêu: Là thực vật bậc cao nhưng cấu tạo còn đơn giản: đã có thân, lá thật nhưng rễ giả, chưa có mạch dẫn, chưa có hoa, sinh sản bằng bào tử * Là thực vật đầu tiên chuyển từ đời sống dưới nước lên cạn. Tuy nhiên cần phải sống ở nơi ẩm ướt. * Từ đặc điểm cấu tạo của rêu so sánh được sự khác nhau giữa rêu và tảo. * Nắm được chu trình phát triển và vai trò của cây rêu. | zoom |
| 22/2 - 28/2 | Các nhóm thực vật | 46 | Quyết- Cây dương xỉ | * Nắm được cấu tạo về cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của dương xỉ. * So sánh được cấu tạo cảu cây rêu và cây dương xỉ. * Nắm được chu trình phát triển của dương xỉ. * Liên hệ được thực tế với một số dương xỉ thường gặp và vai trò của chúng. | Giao bài trên classroom |

**MÔN: ĐỊA LÝ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | **CHỦ ĐỀ : NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ, GIÓ VÀ KHÍ ÁP** | 22 | TIẾT 1 CHỦ ĐỀ | **1. Nhiệt độ không khí và cách đo nhiệt độ không khí.**  - Độ nóng, lạnh của không khí gọi là nhiệt độ không khí  - Cách đo:  + Để nhiệt kế trong bóng râm và cách mặt đất 2 m.  + Đo ít nhất 3 lần trong ngày vào lúc 5 giờ, 13 giờ và 21 giờ.  + Cách tính: Nhiệt độ trung bình trong ngày bằng tổng nhiệt độ các lần đo, chia cho số lần đo.  **2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của không khí**  *a) Vị trí gần hay xa biển*  Nhiệt độ không khí ở những miền nằm gần biển và những miền nằm sâu trong lục địa có sự khác nhau  *b) Độ cao:* Càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm  *c) Vĩ độ địa lí:* Không khí ở vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở vùng vĩ độ cao | Hướng dẫn tự học qua Classroom |
| 24 | **CHỦ ĐỀ : NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ, GIÓ VÀ KHÍ ÁP** | 23 | TIẾT 2 CHỦ ĐỀ | **1. Khí áp, các đai khí áp trên Trái đất**  ***a. Khí áp:***  - Sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất gọi là khí áp.  - Đơn vị đo khí áp là mm thủy ngân.  ***b. Các đai khí áp trên Trái đất***  - Khí áp được phân bố trên TĐ thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về cực  + Các đai áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 00 và khoảng vĩ độ 600B và N  + Các đai áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 300 B và N và khoảng vĩ độ 900B và N(cực Bắc và Nam)  **2**. **Gió và các hoàn lưu khí quyển**  ***a. Gió:***  - Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi áp cao về nơi áp thấp.  - Nguyên nhân: Do sự chênh lệch khí áp giữa 2 vùng tạo ra.  ***b.******Các hoàn lưu khí quyển***  **- Gió Tín phong:** Thổi từ khoảng các vĩ độ 300B và N về XĐ.  - Gió Tây ôn đới: Thổi từ khoảng các vĩ độ 300B và N đến khoảng các vĩ độ 600B và N.  - Gió đông cực: Thổi từ khoảng các vĩ độ 900Bvà N về 600B và N**.** | Dạy onl |

**MÔN: CÔNG NGHỆ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **PHÂN MÔN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| 23  ( từ 17/2-20/2/2021) | Bài 17 | 43 | Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn  (Phần II) | II. Bảo quản chất dinh dưỡng khi chế biến món ăn.  1.Tại sao phải quan tâm bảo quản chất dinh dưỡng?  - Một số vitamin tan trong nước: C, nhóm B (B1,2,6,12…), PP.  - Một số vitamin tan trong chất béo: A,D,E,K.  Một số lưu ý:  ***-*** Khi nấu không khuấy nhiều lần.  - Không hâm lại thức ăn nhiều lần.  2. Ảnh hưởng của nhiệt độ đối với thành phần dinh dưỡng.  *Ở nhiệt độ quá cao (quá nhiệt độ làm chín)*  - Chất đạm: giá trị dinh dưỡng sẽ bị giảm đi.  - Chất đường bột:  + Đường: sẽ chuyển sang màu nâu, có vị đắng.  + Tinh bột: bị cháy đen và bị tiêu hủy hoàn toàn.  -Chất béo: bị biến chất  - Chất khoáng: một phần sẽ hòa tan vào nước.  - Vitamin: dễ bị mất đi  ***Trả lời các câu hỏi sau vào vở ghi:***  1.Tại sao phải quan tâm bảo quản chất dinh dưỡng trong khi chế biến món ăn?  2. Một số lưu ý khi chế biến món ăn.  3. Nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào đối với các chất dinh dưỡng? | Classroom |
| 44 | Các phương pháp chế biến thực phẩm | ***I.Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.***  ***1.Làm chín thực phẩm trong nước.***  ***\* Nấu:***  - là phối hợp nhiều nguyên liệu động vật và thực vật, có thêm gia vị.  - quy trình:  + làm sạch nguyên liệu thực phẩm  + căt thái, tẩm ướp gia vị  + nấu nguyên liệu động vật trước, thực vật sau.  + trình bày.  -Yêu cầu kĩ thuật: sgk  ***2. Làm chín thực phẩm bằng hơi nước – Hấp ( đồ)***  - là làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước.  - quy trình:  + làm sạch nguyên liệu  + sơ chế  +hấp chín  + trình bày.  -yêu cầu kĩ thuật: sgk  ***Trả lời các câu hỏi sau vào vở ghi:***  1. Hãy nêu quy trình thực hiện một món nấu mà em biết.( gợi ý: canh su hào nấu xương, canh măng…).  2. Hãy kể tên và mô tả một số món hấp thường dùng. | *Mục I.1a,c*  *HS tự đọc* |
| Bài 18 |
| classroom |
| Tuần 24  ( từ 22/2-28/2/2021) | Bài 18 | 45 | Các phương pháp chế biến thực phẩm | ***3. Làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa – Nướng***  - quy trình:  + làm sạch nguyên liệu.  + cắt thái, tẩm ướp gia vị, đặt lên vỉ hoặc xiên vào que.  + nướng vàng đều  + trình bày.  -Yêu cầu: sgk  ***4. Làm chín thực phẩm trong chất béo.***  **\* Xào:**  **-** là làm chín thực phẩm với lưỡng mỡ hoặc dầu vừa phải.  **Các con hãy trả lời một số câu hỏi sau vào vở ghi:**  1.Nướng là gì? Hãy nêu quy trình thực hiện của món thịt nướng.  2. Hãy kể tên 1 số món xào mà e đã được ăn. | *Mục I.4a,b*  *HS tự đọc*  *classroom* |
|  | Bài 18 | 46 | Các phương pháp chế biến thực phẩm | **Các con hãy trả lời một số câu hỏi sau vào vở ghi:**  1.Hãy kể tên một số món ăn được chế biến mà không sử dụng nhiệt.  2. Kể tên các hình thức chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.  3. Chế biến món ăn không sử dụng nhiệt dựa trên nguyên tắc nào? | *Trực tuyến* |

**MÔN: VẬT LÝ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | Sự nở vì nhiệt của các chất. | 23 | Bài 19: Sự nở vì nhiệt của chất lỏng | - Mô tả được hiện tượng nở vì nhiệt của chất lỏng.  - Nhận biết được các chất lỏng khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.  - Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt của chất lỏng để giải thích được một số hiện tượng và ứng dụng thực tế. |  |
| Bài 20: Sự nở vì nhiệt của chất khí | - Mô tả được hiện tượng nở vì nhiệt của chất khí.  - Nhận biết được các chất khí khác nhau nở vì nhiệt giống nhau.  **-** Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt của chất khí để giải thích được một số hiện tượng và ứng dụng thực tế. |  |
| 24 | 24 | Một số ứng dụng của sự nở vì nhiệt | - Nêu được ví dụ về các vật khi nở vì nhiệt, nếu bị ngăn cản thì gây ra lực lớn.  - Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt để giải thích được một số hiện tượng và ứng dụng thực tế. |  |

**MÔN:TOÁN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **PHÂN MÔN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI** | **NỘI DUNG**  **CẦN ĐẠT** | **GHI CHÚ** |
| 23 | Số | 63 | Ôn tập chương II (Tiết 2/3) | Vận dụng được các quy tắc, các tính chất của các phép tính để làm được dãy các phép tính trong tập Z bằng cách hợp lý; tìm số nguyên x trong đẳng thức. | BT 112; 121 khuyến khích HS tự làm |
| Số | 65 | Mở rộng khái niệm phân số + Phân số bằng nhau (Tiết 1/2) | HS thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa k/n PS đã học ở TH và k/n PS học ở lớp 6; viết được các PS có tử và mẫu là các số nguyên; thấy được số nguyên cũng là phân số với mẫu 1. | BT2 không yêu cầu HS làm |
| 24 |  | 66 | Mở rộng khái niệm phân số + Phân số bằng nhau (Tiết 2/2) | HS nhận biết được thế nào là hai PS bằng nhau; nhận dạng được các PS bằng nhau và không bằng nhau. |  |
| 67 | Tính chất cơ bản của phân số | Nắm vững t/c cơ bản của PS; vận dụng để viết được một PS có mẫu âm thành PS bằng nó và có mẫu dương; bước đầu có khái niệm về số hữu tỉ. |  |
| Hình | 17 | Số đo góc | - Công nhận mỗi góc có một số đo xác định ; số đo của góc bẹt là 1800; biết đ/n góc vuông, góc nhọn, góc tù.  - Biết dđo góc bằng thước đo góc ; biết so sánh hai góc. | BT 17 khuyến khích HS tự làm |

***Lưu ý : Tiết 64. Ôn tập chương II (Tiết 3/3) để lại, bao giờ học trực tiếp trên lớp sẽ học và cho học sinh làm bài KT lấy điểm HS1 – Chương II.***

**MÔN: TIN**

*Bài 15.* Chỉnh sửa văn bản

Học sinh tự thực hành tại nhà.

Làm tuần tự theo các bước trong sách giáo khoa đã hướng dẫn.

**MÔN: TIẾNG ANH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 17/2 đến 20/2 | 62+ 63 | Unit 8:lesson 2  Unit 8: lesson 3 | Unit 8:lesson 2  Unit 8: lesson 3 |  |
| 22/2 đến 28/2 | 64+ 65 | Unit 8:lesson 4  Unit 8: lesson 5 | Unit 8:lesson 4  Unit 8: lesson 5 |  |

**MÔN: TIẾNG PHÁP**

**MÔN: MỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | Mĩ Thuật 6 | 23 | Vẽ tranh Ngày tết và mùa xuân | Vẽ được bức tranh đề tài “ Ngày tết và mùa xuân” với cách thể hiện màu sắc và đường nét như tranh dân gian. |  |
| 24 | Mĩ Thuật 6 | 24 | Trưng bày và giới thiệu sản phẩm | Giới thiệu, nhận xét và nêu được cảm nhận về sản phẩm |  |

**MÔN: GDCD**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Phân môn**  **(Chủ đề)** | **Tiết** | **Tên bài** | **Nội dung cần đạt** | **Ghi chú** |
| **(17/2-20/2)** | **Chủ đề 2**  **Trẻ em với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân** | 21 | Tiết 4: Thực hành | - Nắm được một số quyền và nghĩa vụ của trẻ em với gia đình, nhà trường và xã hội  - Làm được một số dạng bài tập về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của trẻ em. | Cần cập nhật số liệu mới về tình hình tai nạn giao thông |
| **(22/2-27/2)** | 22 | Bài 14: Thực hiện trật tự an toàn giao thông (Tiết1) | - Nắm được một số nguyên nhân và giải pháp để hạn chế TNGT.  - Nắm được một số qui định cơ bản khi tham gia giao thông.  - Thực hiện đúng những qui định về đi đường để đảm bảo an toàn. |

***Lưu ý : Giáo viên dạy chậm theo kế hoạch trên tự bố trí dạy bù, linh hoạt theo thời gian của mỗi lớp.***

**MÔN: NGỮ VĂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| **23**  (17/2 - 20/2) | 84, 85 | Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả. | ***a. Kiến thức:***  - Thấy được vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.  ***b. Kĩ năng:***  - Bước đầu hình thành cho HS kĩ năng quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét khi miêu tả.  - Nhận diện và vận dụng được những thao tác cơ bản trên trong đọc và viết bài văn miêu tả. |  |
| **24**  (22- 28/2) | 86,87 | Bức tranh của em gái tôi | **1. Kiến thức***:*  - Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện: Tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu của người em gái có tài năng giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình và vượt lên lòng tự ái.  - Nắm được nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm.  **2. Kĩ năng**  - Rèn kĩ năng đọc hiểu một văn bản truyện theo đặc trưng thể loại. |  |
|  | 88 | Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả. | **1. Kiến thức**  - Củng cố, nâng cao kiên thức về vai trò, tác dụng của quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.  **2. Kĩ năng**  - Biết cách trình bày, diễn đạt một vấn đề bằng miệng trước tập thể; rèn luyện kĩ năng nói.  - Có kĩ năng quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét khi miêu tả. |  |

***Lưu ý : Giáo viên dạy chậm theo kế hoạch trên tự bố trí dạy bù, linh hoạt theo thời gian của mỗi lớp.***

**MÔN: LỊCH SỬ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Phân môn (chủ đề) | Tiết | Tên bài | Nội dung cần đạt | Ghi chú |
| Từ 17/2 đến 20/2 | Chủ đề: Thời kì Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập | 22 | Bài 19. Từ sau Trưng Vương đến trước Lý Nam Đế ( giữa thế kỉ I – giữa thế kỉ VI) (tiếp theo) | * Nêu được những điểm mới của văn hóa nước ta trong thời kì này. * Nhận xét được những chuyển biến xã hội ở nước ta dưới thời kì Bắc thuộc. * Lý giải được vì sao những chính sách đồng hóa của các triều đại phương Bắc, người Việt vẫn giữ được phong tục tập quán và tiếng nói của dân tộc * Trình bày được diễn biến của khởi nghĩa Bà Triệu. | Giao bài tập qua classroom và nhận bài làm của HS qua trang này hoặc gmail của Gv |
| Từ 22/2 đến 27/2 | Chủ đề: Thời kì Bắc thuộc và đấu tranh giành độc lập | 23 | Bài 21. Khởi nghĩa Lý Bí. Nước Vạn Xuân (542 – 602) | * Trình bày được nguyên nhân, diễn biến và kết quả của khởi nghĩa Lý Bí. * Lý giải được nguyên nhân khởi nghĩa Lý Bí giành thắng lợi. | Dạy học qua Zoom |

LƯU Ý: giáo viên dạy chậm theo kế hoạch trên tự bố tri dạy bù, linh hoạt theo thời gian của mỗi lớp.

**MÔN: THỂ DỤC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Phân môn  Chủ đề | Tiết | Tên Bài | Nội dung cần đạt | Ghi chú |
| 23 | Thể dục 6 | 45,46 | **- Bật nhảy:** Ôn một số động tác bổ trợ, đà 3 bước - giậm nhảy (vào hố cát hoặc đệm)  **- Chạy nhanh:** Xuất phát cao - chạy nhanh 20 – 30m; trò chơi (do GV chọn)  **- Chạy bền:** Chạy trên địa hình tự nhiên | - Đá lăng trước, sau, sang ngang thuần thục.  - Xác định được chân giậm nhảy  - Đà 3 bước giậm nhảy vào đệm đúng kĩ thuật  - Xuất phát cao đúng tư thế và chạy nhanh  - Chạy trên địa hình tự nhiên 5 phút- 10 phút. |  |
| 24 | Thể dục 6 | 47,48 | **- Bật nhảy:** Ôn bật xa tiếp sức; Học chạy đà (tự do) - nhảy xa  **- Chạy nhanh:** Xuất phát cao - chạy nhanh 20 40m và trò chơi do (GV chọn) | Đá lăng trước, sau, sang ngang thuần thục.  - Xác định được chân giậm nhảy  - Đà 3 bước giậm nhảy vào đệm  - Xuất phát cao đúng tư thế và chạy nhanh |  |

**MÔN: ÂM NHẠC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | PHÂN MÔN  ( CHỦ ĐỀ) | TIẾT | TÊN BÀI | NỘI DUNG CẦN ĐẠT | GHI CHÚ |
| 23 | Âm nhạc 6 | 22 | Học hát: Ngày đầu tiên đi học | HS hát đúng giai điệu bài hát |  |
| 24 | Âm nhạc 6 | 23 | -Ôn tập bài hát: Ngày đầu tiên đi học  -TĐN: TĐN số 7 | -HS thuộc bài hát  -HS đọc đúng nốt nhạc, giai điệu bài TĐN |  |